

# **TÓM TẮT TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ TRONG VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH UPSCTD**

**- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022**

Điều 122. Trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường

1. Chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

a) Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;

Điều 124. Chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường

4. Việc ban hành, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được quy định như sau:

d) Chủ dự án đầu tư, cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở mình.

**- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015 (Điều 108, Mục 1, Khoản a)**

Điều 108. Phòng ngừa sự cố môi trường

1. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau:

a) Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

**- Quyết định 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Quyết định ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu”.**

Điều 46: Trách nhiệm của cảng, cơ sở

1. Các cảng, cơ sở xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả sau khi được ban hành và sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động, chỉ huy của các cơ quan có thẩm quyền.

Chương 2: Chuẩn bị ứng phó sự cố tràn dầu

Điều 7: Xây dựng, thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu các cấp

3. Các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, trình UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Khi có sự thay đổi các điều kiện dẫn đến thay đổi nội dung kế hoạch thì phải cập nhật bổ sung và cập nhật định kỳ hằng năm; khi có sự thay đổi lớn làm tăng quy mô sức chứa vượt quá khả năng ứng phó so với phương án trong kế hoạch thì phải lập lại kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các cơ sở, dự án dầu khí ngoài khơi xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, báo cáo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thẩm định, trình UB Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt và thông báo đến UBND các tỉnh có nguy cơ bị ảnh hưởng khi xảy ra sự cố tại cơ sở, dự án.

5. Đối với các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50.000 m<sup>3</sup> trở nên, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lớn hơn hoặc bằng 50.000 DWT xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và báo cáo cơ quan chủ quản thẩm định (Đối với các kho xăng dầu gắn liền với cảng xăng dầu thì xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu chung cho kho, cảng) báo cáo UB Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt.

6. Đối với các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có khối lượng dự trữ dưới 50.000m<sup>3</sup>, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, báo cáo cơ quan chủ quản thẩm định (Đối với các kho xăng dầu gắn liền với cảng xăng dầu thì xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu chung cho kho, cảng) trình UBND cấp tỉnh phê duyệt.

7. Đối với các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, trình UBND huyện phê duyệt hoặc cơ quan chủ quản thẩm định, phê duyệt theo quy định (đối với các cơ sở kinh doanh xăng dầu không thuộc UBND huyện quản lý). Kế hoạch được thông báo tới UBND cấp huyện để phối hợp thực hiện.

8. Các Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực xây dựng kế hoạch, phương án huy động phương tiện, thiết bị, vật tư để sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu trong khu vực được phân công, trình UB Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thẩm định và phê duyệt.

9. Các tàu chở dầu mang cờ quốc tịch Việt Nam có tổng dung tích từ 150 GT trở nên, các tàu khác không phải tàu chở dầu có tổng dung tích từ 400 GT trở lên, có kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông

vận tải phê duyệt; các tàu chở dầu mang cờ Quốc tịch Việt Nam có tổng dung tích từ 150 GT trở nên tham gia vào việc chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển có kế hoạch chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

**- Luật số 95/2015/QH13 Quốc hội ban hành ngày 25/11/2015 Bộ luật hàng hải Việt Nam**

Điều 128: Bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng hải

1. Tàu biển khi đóng mới, cảng biển khi được xây dựng phải có trang thiết bị bảo vệ môi trường theo quy định; có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và hóa chất độc hại.

**- Quyết định 133/2020/QĐ-TTg ngày 17/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về “Ban hành kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu”**

Chương IV: Công tác phòng ngừa sự cố tràn dầu.

Mục 9: Các cơ sở hoạt động, kinh doanh xăng dầu:

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện, lực lượng, kinh phí đảm bảo phòng ngừa và luôn sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu tại cơ sở.

**- Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa”**

Điều 47: Bảo vệ môi trường trong khai thác cảng, bến thủy nội địa

Người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa có trách nhiệm:

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định đối với cảng thủy nội địa và bến thủy nội địa kinh doanh xăng dầu.

Điều 48. Bảo vệ môi trường trong hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải, phục hồi và phá dỡ phương tiện

Chủ cơ sở đóng mới, sửa chữa, hoán cải, phục hồi và phá dỡ phương tiện có trách nhiệm:

1. Xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.